TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 142/2019/DS-PT
Ngày: 10-4-2019
V/v tranh chấp mở lối đi qua

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Kiều- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2019/TLPT-DS ngày 04 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp mở lối đi qua.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 139/2018/DS-ST ngày 26 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện X bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 28/2019/QĐPT-DS ngày 22 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Nguyễn Thanh P, sinh năm 1952;

2. Bà Huỳnh Thị Ngọc E, sinh năm 1956;

3. Bà Huỳnh Thị Ngọc A, sinh năm 1949;

Cùng cư trú tại: Ấp H, xã S, huyện X, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là: Ông Nguyễn Hoàng P1, sinh năm 1980, cư trú tại: Ấp B, xã Z, huyện Y, tỉnh Long An (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 28/9/2018).

- *Bị đơn:*

1. Bà Nguyễn Thị L , sinh năm 1972, cư trú tại: Ấp H, xã S, huyện X, tỉnh Bến Tre.

2. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1966, cư trú tại: Ấp H, xã S, huyện X, tỉnh Bến Tre.

3. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1960, cư trú tại: Ấp V, xã Q, huyện M, tỉnh Bến Tre.

4. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1955, cư trú tại: Ấp R, xã G, huyện X, tỉnh Bến Tre.

5. Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1954, cư trú tại: Ấp H, xã S, huyện X, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là: Ông Trương Văn T, sinh năm 1978, cư trú tại: Ấp C, xã A1, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 11/02/2019).

bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị H2 là: Bà Nguyễn Thị D (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 01/6/2018).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lê Văn N, sinh năm 1974, cư trú tại: Ấp T1, xã S, huyện X, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo*: Ông Nguyễn Thanh P, bà Huỳnh Thị Ngọc E, bà Huỳnh Thị Ngọc A là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Thanh P, bà Huỳnh Thị Ngọc E, bà Đinh Thị Hoàng I trình bày:

Ông Nguyễn Thanh P, bà Huỳnh Thị Ngọc E là chủ sử dụng phần đất có diện tích 2.655m^2, thuộc thửa đất số 86, tờ bản đồ số 11. Bà Huỳnh Thị Ngọc A

là chủ sử dụng phần đất có diện tích 5.300m^2, thuộc thửa đất số 11, 12, tờ bản đồ số 2, cùng tọa lạc tại ấp H, xã S, huyện X, tỉnh Bến Tre. Phần đất này bị vây bọc bởi các bất động sản của các chủ sử dụng khác nên các ông, bà có sử dụng lối đi qua phần đất thuộc quyền sử dụng của bà Huỳnh Thị V1 thuộc thửa đất số 94, tờ bản đồ số 12. Gia đình ông Ph, bà E và bà A đã sử dụng lối đi này khoảng trên 50 năm, lối đi có chiều rộng khoảng 0,9m, hiện đã đổ đal cách nay hơn 10 năm để đi vào nhà. Trước đây, khi bà V1 còn sống các ông, bà sử dụng lối đi này thì phía bà V1 không có ý kiến hay cản trở gì mà vẫn cho gia đình các ông, bà sử dụng cho đến khi bà V1 chết. Đến khoảng tháng 3/2018, các con của bà V1 kéo lưới B40 rào lối đi này lại không cho các ông, bà đi nữa. Trước đây, lối đi này ngoài 02 hộ của ông bà còn có 03 hộ khác đi cùng nhưng sau này khi có đường đê thì 03 hộ kia đã đi trên đường đê.

Từ khi bị đơn rào lối đi cho đến nay, các ông bà phải đi qua lối đi trên đất của bà Nguyễn Thị T2 đến lộ đê rồi đi khoảng 01km mới ra đến huyện lộ 34. Lối đi này đi lại rất khó khăn không chở hàng hóa mua bán được, chỉ có lối đi trên đất của bà V1 là thuận tiện nhất để ra đường công cộng. Vì vậy, ông P, bà E, bà A yêu cầu Tòa án buộc các bị đơn tháo dở hàng rào mở lối đi đã được đổ đal sẵn có chiều rộng 0,9m, diện tích 67,1 m^2 hoặc mở rộng thêm lối đi này có chiều rộng 1,5m, diện tích 82,7 m^2 (67,1 m^2 + 15,6 m^2) theo như kết quả đo đạc thuộc một phần của thửa đất số 94, tờ bản đồ số 12; tọa lạc tại: ấp H, xã S, huyện X, tỉnh Bến Tre hiện do bà Huỳnh Thị V1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn trình bày:

Bà Huỳnh Thị V1 là người đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích 1.278,8m^2, thuộc thửa đất số 94, tờ bản đồ số 12. Bà V1 chết năm 2013, có chồng là ông Nguyễn Văn R1 (ông R1 chết năm 2009), bà V1 có tất cả 05 người con là Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị H2. Hiện tại phần đất trên là do các bị đơn đang quản lý, sử dụng (chưa phân chia cho riêng ai). Trước đây, bà V1 và gia đình có cho hộ ông P, bà A, hộ ông Phan Văn C1 và 02 hộ khác sử dụng một lối đi có chiều rộng khoảng 0,9m (lối đi đang tranh chấp) để đi ra lộ công cộng nhưng sau này khi nhà nước làm đường đê vào năm 2013 thì các hộ khác đã chuyển qua đi bên đường đê, chỉ

còn 02 hộ nguyên đơn là vẫn đi trên đất bà V1, các hộ khác vẫn đi lại vận chuyển hàng hóa trên đường đê bình thường.

Sau khi bà V1 chết, các chị em trong gia đình dự định sẽ xây nhà trên phần đất có lối đi và xây trại kinh doanh cây giống nên khoảng tháng 3/2018 các bị đơn có thông báo cho nguyên đơn trước khoảng 03 tháng để dời lối đi qua phần đất của bà D nhưng các nguyên đơn không đồng ý. Hiện nay các nguyên đơn đã có lối đi khác để đi ra đường công cộng nên bị đơn không đồng ý mở lối đi theo yêu cầu của các nguyên đơn vì hai bên đã xảy ra mâu thuẫn, hiện phần đất của bà V1 diện tích nhỏ, còn phải xây nhà ở và xây trại cây giống để tạo nguồn thu nhập kinh tế gia đình.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn N trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày và ý kiến của vợ ông là bà Nguyễn Thị L và không có ý kiến gì khác.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 139/2018/DS-ST ngày 26 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện X đã quyết định như sau:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông Nguyễn Thanh P, bà Huỳnh Thị Ngọc E, bà Huỳnh Thị Ngọc A đối với các bị đơn bà Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị H1 về việc tranh chấp mở lối đi qua.

Ghi nhận các nguyên đơn không yêu cầu các bị đơn bồi hoàn giá trị con đường đal (bê tông, không cốt thép) có chiều rộng 0,9m, diện tích 67.1m^2 mà các nguyên đơn đã làm trên phần đất thuộc thửa đất số 94, tờ bản đồ số 12; tọa lạc tại: ấp H, xã S, huyện X, tỉnh Bến Tre hiện do bà Huỳnh Thị V1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Các bị đơn được quyền tháo dỡ, di dời con đường đal (bê tông, không cốt thép) này ra khỏi phần đất nêu trên.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo bản án, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30/10/2018, nguyên đơn ông Nguyễn Thanh P, bà Huỳnh Thị Ngọc E, bà Huỳnh Thị Ngọc A kháng cáo yêu cầu sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 139/2018/DS-ST ngày 26 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện X chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Hai bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về tố tụng: Người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; về nội dung: đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thanh P, bà Huỳnh Thị Ngọc E và bà Huỳnh Thị Ngọc A. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 139/2018/DS-ST ngày 26 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện X, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn về yêu cầu mở lối đi.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng, xét kháng cáo của bị đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh P, bà Huỳnh Thị Ngọc E có nhà ở và phần đất có diện tích 2.655m^2, thuộc thửa đất số 86, tờ bản đồ số 11; bà Huỳnh Thị Ngọc A là chủ sử dụng phần đất có diện tích 5.300m^2, thuộc thửa đất số 11, 12, tờ bản đồ số 2, cùng tọa lạc tại ấp H, xã S, huyện X, tỉnh Bến Tre. Phần đất của các nguyên đơn nằm phía trong thửa đất số 94, tờ bản đồ số 12 của bị đơn. Các nguyên đơn cho rằng lối đi trên đất bà V1 đã được sử dụng trên 50 năm nhưng sau này các con bà V1 đã rào lối đi không cho các nguyên đơn sử dụng.

Phía bị đơn trình bày, trước đây bà V1 có cho các nguyên đơn sử dụng lối đi trên đất để ra đường công cộng. Tuy nhiên, do hiện nay bị đơn có nhu cầu sử dụng lối đi để xây nhà và nguyên đơn đã có lối đi khác để ra lộ công cộng nên không đồng ý mở lối đi theo yêu cầu của các nguyên đơn.

[2] Các bên đương sự thống nhất lối đi tranh chấp được bà V1 cho các nguyên đơn sử dụng trên 30 năm, lối đi này chỉ đi qua phần đất của bị đơn để ra đường công cộng, chiều dài khoảng 54m nhưng do việc bị đơn rào chắn lối đi nên hiện nay nguyên đơn đang sử dụng lối đi tạm trên đất của bà Nguyễn Thị T2 để đi, lối đi này là đường đất có chiều dài khoảng 30m để đi ra con đê hướng Tây và từ con đê này phải đi khoảng 1000m mới đến đường huyện lộ. Qua xác minh của Tòa án cấp sơ thẩm thể hiện bà T2 đồng ý để nguyên đơn đi trên lối đi qua đất của bà nhưng không đồng ý ký tên vào biên bản. Tuy nhiên tại biên bản xác minh ngày 20 tháng 3 năm 2019 thì bà T2 và con của bà phản đối không đồng ý cho các nguyên đơn sử dụng lối đi tạm này.

[3] Phần lối đi tranh chấp có diện tích 67,1m^2, thuộc một phần của thửa đất số 94, tờ bản đồ số 12; tọa lạc tại: ấp H, xã S, huyện X, tỉnh Bến Tre do bà Huỳnh Thị V1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 05/7/2018, trên phần đất yêu cầu mở lối đi không có

cây trồng công trình mà là hiện trạng lối đi bêtông có sẵn. Theo quy định tại Điều 254 Bộ luật Dân sự 2015 "chủ sở hữu có bất động sản bị vây bọc bởi các bất động sản của các chủ sở hữu khác mà không có hoặc không đủ lối đi ra đường công cộng, có quyền yêu cầu chủ sở hữu bất động sản vây bọc dành cho mình một lối đi hợp lý trên phần đất của họ…Lối đi được mở trên bất động sản liền kề nào mà được coi là thuận tiện và hợp lý nhất, có tính đến đặc điểm cụ thể của địa điểm, lợi ích của bất động sản bị vây bọc và thiệt hại gây ra là ít nhất cho bất động sản có mở lối đi. Như vậy, lối đi nguyên đơn yêu cầu được bà V1 cho nguyên đơn sử dụng, việc bà V1 đồng ý cho nguyên đơn làm đường bêtông để đi trên đất thể hiện ý chí của bà V1 cho nguyên đơn sử dụng lối đi lâu dài, ổn định. Như phân tích ở trên, phần lối đi nguyên tranh chấp là thuận tiện nhất cho nguyên đơn sử dụng để ra lộ công cộng và cũng không gây thiệt hại cho chủ sử dụng bất động sản mở lối đi, và các nguyên đơn không còn lối đi nào khác để ra lộ công cộng. Bản án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là ảnh hưởng đến quyền đi lại của các nguyên đơn. Do đó kháng cáo của các nguyên đơn được chấp nhận. Sửa bản án sơ thẩm.

[4] Do yêu cầu về mở lối đi được chấp nhận nên phía nguyên đơn phải đền bù giá trị phần đất mở lối đi cho bị đơn, theo biên bản định giá ngày 05/7/2018, phần lối đi có diện tích 67,1m^2 với giá là 400.000 đồng/m^2 = 26.840.000 đồng, ngoài ra trên đất có hàng rào tạm lưới B40 và 12 cây chuối mới trồng bị đơn phải tự tháo dỡ, di dời ra khỏi phần đất mở lối đi.

[5] Sau khi xét xử sơ thẩm các nguyên đơn cung cấp chứng cứ mới là văn bản thừa phát lại lập ngày 18/12/2018 là hình ảnh ghi nhận lối đi mà các nguyên đơn tranh chấp đã bị các bị đơn tháo dở đal. Do bản án sơ thẩm đang bị kháng cáo mà các bị đơn tháo dở là xâm phạm đến quyền lợi của các nguyên đơn sự việc nầy cấp phúc thẩm không thể khắc phục hoặc ngăn chặn được. Do đó việc thi hành bản án chỉ căn cứ vào biên bản thẩm định ngày 5/7/2018 và bị đơn phải tự khôi phục lại.

[6] Về chi phí đo đạc, định giá là 1.790.000 đồng, do yêu cầu của các nguyên đơn được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị H1 phải liên đới chịu. Do ông Nguyễn Thanh P, bà Huỳnh Thị Ngọc E, bà Huỳnh Thị Ngọc A đã nộp xong nên bà Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị H1 phải liên đới trả số tiền 1.790.000 đồng cho ông Nguyễn Thanh P, bà Huỳnh Thị Ngọc E, bà Huỳnh Thị Ngọc A.

[7] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội, do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị H1 phải liên đới chịu là 300.000 đồng.

Hoàn tiền tạm ứng án phí đã nộp cho ông Nguyễn Thanh P bà Huỳnh Thị Ngọc E 300.000 đồng theo biên lai thu số 0024126 ngày 09/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Bến Tre.

Hoàn tiền tạm ứng án phí đã nộp cho bà Huỳnh Thị Ngọc A 300.000 đồng theo biên lai thu số 0024127 ngày 09/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Bến Tre.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội; do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên ông Nguyễn Thanh P, bà Huỳnh Thị Ngọc E, bà Huỳnh Thị Ngọc A không phải chịu án phí.

Hoàn tiền tạm ứng án phí đã nộp cho ông Nguyễn Thanh P, bà Huỳnh Thị Ngọc E là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0020291 ngày 30/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Bến Tre.

Hoàn tiền tạm ứng án phí đã nộp cho bà Huỳnh Thị Ngọc A là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0020290 ngày 30/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Bến Tre.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thanh P, bà Huỳnh Thị Ngọc E, bà Huỳnh Thị Ngọc A

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 139/2018/DS-ST ngày 26 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng các Điều 245 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông Nguyễn Thanh P, bà Huỳnh Thị Ngọc E, bà Huỳnh Thị Ngọc A đối với các bị đơn (bà Nguyễn Thị

L, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị H1) về việc yêu cầu mở lối đi qua

Buộc bà Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị H1 tháo dỡ hàng rào, di dời cây trồng khôi phục lại lối đi đã được đổ đal có chiều rộng 0,9m, diện tích 67,1 m^2, thuộc một phần của thửa đất số 94, tờ bản đồ số 12; tọa lạc tại: ấp H, xã S, huyện X, tỉnh Bến Tre hiện do bà Huỳnh Thị V1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Phần lối đi có tứ cận như sau:

- Phía Bắc giáp phần còn lại thửa 94.

- Phía Nam giáp phần còn lại thửa 94.

- Phía Đông giáp đường bê tông

- Phía Tây giáp thửa 58

(có họa đồ hiện trạng kèm theo)

Ông Nguyễn Thanh P, bà Huỳnh Thị Ngọc E, bà Huỳnh Thị Ngọc A có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho bà Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị H1 số tiền: 26.840.000 đồng (Hai mươi sáu triệu tám trăm bốn mươi ngàn đồng).

Tuyên bố hạn chế quyền sử dụng đất đối với bà Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị H1 đối với phần lối đi mà ông Nguyễn Thanh P, bà Huỳnh Thị Ngọc E, bà Huỳnh Thị Ngọc A được quyền sử dụng chiều cao 2,5m.

Ông Nguyễn Thanh P, bà Huỳnh Thị Ngọc E, bà Huỳnh Thị Ngọc A được quyền sử dụng hạn chế quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị H1 đối với phần lối đi mà ông Nguyễn Thanh P, bà Huỳnh Thị Ngọc E, bà Huỳnh Thị Ngọc A được sử dụng và tuân thủ các điều kiện đảm bảo trong quá trình sử dụng đất của các bên mà pháp luật quy định.

Về chi phí đo đạc, định giá là 1.790.000 đồng, do yêu cầu của các nguyên đơn được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị H1 phải liên đới chịu. Do ông Nguyễn Thanh P, bà Huỳnh Thị Ngọc E, bà Huỳnh Thị Ngọc A đã nộp xong nên bà Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị H1 phải liên đới trả số tiền 1.790.000 đồng (Một triệu bảy trăm chín mươi ngàn đồng) cho ông Nguyễn Thanh P, bà Huỳnh Thị Ngọc E, bà Huỳnh Thị Ngọc A.

Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị H1 phải liên đới chịu là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Hoàn tiền tạm ứng án phí đã nộp cho ông Nguyễn Thanh P bà Huỳnh Thị Ngọc E 300.000 đồng theo biên lai thu số 0024126 ngày 09/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Bến Tre.

Hoàn tiền tạm ứng án phí đã nộp cho bà Huỳnh Thị Ngọc A 300.000 đồng theo biên lai thu số 0024127 ngày 09/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Bến Tre.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Thanh P, bà Huỳnh Thị Ngọc E, bà Huỳnh Thị Ngọc A không phải chịu án phí.

Hoàn tiền tạm ứng án phí đã nộp cho ông Nguyễn Thanh P, bà Huỳnh Thị Ngọc E là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0020291 ngày 30/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Bến Tre.

Hoàn tiền tạm ứng án phí đã nộp cho bà Huỳnh Thị Ngọc A là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0020290 ngày 30/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

THẨM PHÁN	**THẨM PHÁN**	**THẨM PHÁN** **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Hồ Thị Thanh Thúy	**Nguyễn Thị Ngọc Hương**	**Huỳnh Ngọc Dũng**

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Chợ Lách;
- Chi cục THADS huyện Chợ Lách;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Ngọc Dũng